TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-8-2023
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiện.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Văn Hiệp
2. Bà Lưu Thị Hồng Thảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lý Thị Kim T,** sinh năm 1986(Có đơn xin vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.
- Bị đơn: Ông **Triệu Minh T,** sinh năm 1983(Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 16/6/2023 nguyên đơn bà Lý Thị Kim T trình bày:

Bà Lý Thị Kim T và ông Triệu Minh T tự nguyện chung sống cùng nhau năm 2006 đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Lâm Tân, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi cưới thì bà và ông T chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã cùng nhau. Trong thời gian chung sống bà và ông T có hai con chung tên Triệu Thị Ngọc B, sinh ngày 27/12/2006 và Triệu Minh T, sinh

ngày 24/10/2008, hiện đang sống với bà T. Nay bà Lý Thị Kim T yêu cầu được ly hôn với ông Triệu Minh T; Về con chung: Bà T yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung là Triệu Thị Ngọc B, sinh ngày 27/12/2006 và Triệu Minh T, sinh ngày 24/10/2008, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, nơ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án tại biên bản hòa giải ngày 26/5/2023 ông Triệu Minh T trình bày:* Ông và bà Lý Thị Kim T kết hôn năm 2006 đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, sau cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 thì ông đi làm ở Lâm Đồng lâu lâu vợ chồng mới gặp nhau 01 lần, đến tháng 11/2022 thì vợ ông nói là muốn ly hôn nhưng ông tính vợ ông nói chơi, giữa ông với vợ ông không có mâu thuẫn gì lớn tự nhiên vợ ông đòi ly hôn với ông. Vì vậy tôi không đồng ý ly hôn với vợ ông là bà T. Trong thời gian chung sống vợ chồng tôi có 02 đứa con chung tên Triệu Thị Ngọc B, sinh ngày 27/12/2006 và Triệu Minh T, sinh ngày 24/10/2008 hiện nay đang sống cùng bà T; Về tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết; Về nợ chung không có không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Tại phiên tòa hôm nay Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa hôm nay bà T có đơn xin xét xử vắng mặt đối với bị đơn Triệu Minh T chưa thực hiện và chấp hành đúng quy định pháp luật do ông Triệu Minh T đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Lý Thị Kim T và ông Triệu Minh T.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Lý Thị Kim T cho bà Lý Thị Kim T được ly hôn với ông Triệu Minh T; Về con chung giao 02 con chung là Triệu Thị Ngọc B, sinh ngày 27/12/2006 và Triệu Minh T, sinh ngày 24/10/2008 cho bà Lý Thị Kim T nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con bà T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung, các đương sự tự thảo thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết; Về án phí các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lý Thị Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Triệu Minh T đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Lý Thị Kim T và ông Triệu Minh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị Kim T và ông Triệu Minh T cưới nhau năm 2006 đến năm 2011 ông T, bà T tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã Lâm Tân, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số

118/2011 ngày 15/9/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Lý Thị Kim T và ông Triệu Minh T là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Lý Thị Kim T, Hội đồng xét xử thấy rằng, theo lời trình bày của nguyên đơn bà T thì sau khi kết hôn bà T ông T sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng thường hay cãi vã với nhau dẫn đến vợ chồng sống không có hạnh phúc nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông T. Bị đơn ông Triệu Minh T cho rằng giữa vợ chồng ông bà không có xảy ra mâu thuẫn gì lớn, sau khi cưới ông, bà chung sống hạnh phúc, nhưng do ông đi làm xa đến năm 2020 thì vợ ông đòi ly hôn, ông không đồng ý ly hôn. Xét thấy, bà Lý Thị Kim T cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông Triệu Minh T Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà T và ông T không còn hạnh phúc dẫn đến bà T không còn muốn chung sống với ông T nữa và có yêu cầu được ly hôn với ông T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lý Thị Kim T.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống giữa bà Lý Thị Kim T và ông Triệu Minh T có 02 người con chung là Triệu Thị Ngọc B, sinh ngày 27/12/2006 và Triệu Minh T, sinh ngày 24/10/2008 hiện nay đang sống cùng bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi 02 con chung đến 18 tuổi. Xét thấy, 02 người con chung là Triệu Thị Ngọc B, sinh ngày 27/12/2006 và Triệu Minh T, sinh ngày 24/10/2008 hiện nay đang sống cùng với bà T, tại tờ trình bày nguyện vọng ngày 14/4/2023 các cháu Triệu Thị Ngọc B và Triệu Minh T đều thể hiện nếu bà T và ông T ly hôn thì các cháu có nguyện vọng được sống với mẹ là bà Lý Thị Kim T; tại biên bản hòa giải ngày 26/5/2023 ông Triệu Minh T trình bày trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ông và bà T ly hôn thì ông đồng ý giao 02 con cho bàThương nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Dó đó, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung là Triệu Thị Ngọc B, sinh ngày 27/12/2006 và Triệu Minh T, sinh ngày 24/10/2008 cho bà Lý Thị Kim T nuôi dưỡng đến 18 tuổi.

[5] Về cấp dưỡng: Bà Lý Thị Kim T không yêu cầu ông Triệu Minh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[7] Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[8] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Lý Thị Kim T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị Kim T được ly hôn với ông Triệu Minh T.

2.Về con chung: Giao cho bà Lý Thị Kim T được quyền nuôi dưỡng 02 con chung là Triệu Thị Ngọc B, sinh ngày 27/12/2006 và Triệu Minh T, sinh ngày 24/10/2008 cho bà Lý Thị Kim T nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Ông Triệu Minh T được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Triệu Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

5. Về Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lý Thị Kim T phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007448 ngày 20/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên; bà T đã nộp xong.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát NDHMX;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A dân sự HMX;
- UBND nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhiện